

Số: 2013/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 13 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện
Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy
thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022
của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và
bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành
Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02
tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và
bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm
nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Chương trình số 34-CTr/TU ngày 23/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh
ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về
phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng
bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

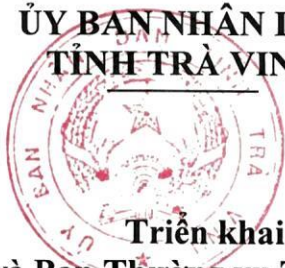
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu: VT, THNV. 02

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hân



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục đích, yêu cầu

- Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện các huyện, thị xã, thành phố về tầm quan trọng của việc triển khai Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ và Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Chương trình hành động của Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị gắn với thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhằm khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của tỉnh góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Kế hoạch hành động của UBND tỉnh là căn cứ để các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch hành động của cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp chặt chẽ gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 11%/năm trở lên;
- Quy mô kinh tế (GRDP giá hiện hành) đạt 150.000 tỷ đồng;
- Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GRDP khoảng 17,98%; công nghiệp – xây dựng khoảng 46,14%; dịch vụ khoảng 33%; thuế và trợ cấp khoảng 2,88%;
- GRDP bình quân đầu người đạt 140 triệu đồng/người/năm;
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 40%;
- Có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, 51% xã nông thôn mới nâng cao, tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75% (trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%); tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp đạt 70% trong tổng lao động xã hội;

- Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm bình quân từ 1,5 - 2%/năm giai đoạn 2021 - 2025; giai đoạn 2026 - 2030 giảm ít nhất một nửa tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của Quốc gia áp dụng giai đoạn 2026 – 2030;

- Cơ sở giáo dục đạt chuẩn: 72,72% mầm non; 88,96% tiểu học; 70% trung học cơ sở; 91,43% trung học phổ thông;

- Đạt 35 giường bệnh, 14 - 16 bác sĩ, 04 dược sĩ đại học, 24 điều dưỡng viên trên 10.000 dân;

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,5% diện tích tự nhiên;

- Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh: Khu vực dân cư thành thị đạt 100%; khu vực dân cư nông thôn đạt 99,5% - 100%;

- Tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt 100%; tại khu vực nông thôn đạt 90%;

- Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận của xã hội trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ

- Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương nghiên cứu, triển khai, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình số 34-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch hành động này nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, tạo quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh, của vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh thực hiện tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình số 34-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch hành động này bằng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng để đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tập trung, thực hiện tốt công tác hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Hoàn thành Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, triển khai, cụ thể hóa 36 hợp phần trong Quy hoạch tỉnh, đảm bảo hài hòa, phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với liên kết vùng, tiểu vùng. Tập trung công tác quy hoạch đô thị,

quy hoạch xây dựng bảo đảm các tiêu chí cho 03 đô thị trọng tâm (thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải và thị trấn Tiểu Cần mở rộng).

- Tập trung rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực, nhất là về thu hút đầu tư, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của Tổ điều phối liên kết phát triển tỉnh Trà Vinh⁽¹⁾, chủ động tham mưu, đề xuất thực hiện 08 nội dung đã ký kết, hợp tác phát triển bền vững tiểu vùng duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long và 08 nội dung hợp tác với thành phố Hà Nội; chủ động xây dựng phương án, lĩnh vực hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ và Trường Đại học Cần Thơ, chú trọng hợp tác đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, liên tỉnh, liên vùng. Chủ động phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng trung tâm kinh tế biển thời kỳ đến năm 2030 theo Đề án của Chính phủ được phê duyệt tại Quyết định số 892/QĐ-TTg, ngày 26/7/2022.

3. Tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế tuần hoàn dựa trên hệ sinh thái, tiềm năng hiện có và tôn trọng quy luật tự nhiên, đa dạng sinh học. Phân định, phát triển các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, trong đó:

+ *Vùng phát triển kinh tế biển*: Gồm khu vực ven biển các huyện Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú, đặc biệt là thị xã Duyên Hải. Tập trung khai thác các tiềm năng, lợi thế để phát triển Trà Vinh trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm giao thương và trung tâm năng lượng sạch của đồng bằng sông Cửu Long.

+ *Vùng phát triển kinh tế nông nghiệp*: Phát triển vùng sản xuất lúa, cây ăn trái tập trung kết hợp phát triển du lịch sinh thái vườn, du lịch sông nước ở khu vực các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần. Tập trung phát triển sản xuất lúa hàng hoá chất lượng cao, cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và nuôi thủy sản ở vùng nước lợ và một phần phía Bắc huyện Châu Thành, Trà Cú, Duyên Hải, Cầu Ngang. Phát triển đàn vật nuôi có lợi thế như bò, dê, heo, gia cầm theo hướng nuôi tập trung, an toàn sinh học, đảm bảo môi trường ở các huyện.

+ *Vùng phát triển kinh tế đô thị*: Tập trung phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ: Tài chính, ngân hàng, trung tâm thương mại, giải trí, nghỉ dưỡng, giáo dục và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao, du lịch ở khu vực nội ô thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải, Tiểu Cần và một phần tiếp giáp giữa huyện Châu Thành với thành phố Trà Vinh. Đầu tư, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung ở Khu Kinh tế Định An, Khu Công nghiệp Long Đức, Cầu Quan, Cổ Chiên; các Cụm công nghiệp Tân Ngại (Châu Thành), Hiệp Mỹ Đông (Cầu Ngang), Phú Cần (Tiểu Cần), An Phú Tân (Cầu Kè); phát triển nông nghiệp đô thị ở vùng ven của thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải và các thị trấn. Thực hiện có hiệu quả Chương trình số

¹ Theo Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

22-CTr/TU ngày 11/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế đô thị tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Triển khai Đề án phát triển kinh tế biển, đặc biệt chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ biển, logistic, năng lượng tái tạo, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, phát triển Khu kinh tế Định An và đô thị ven biển, phấn đấu đến năm 2030 thị xã Duyên Hải trở thành thành phố ven biển.

- Tập trung đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng sản phẩm; nâng cao chất lượng đào tạo nghề, trình độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ vào sản xuất.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa, sinh thái, bền vững với các sản phẩm thế mạnh là thủy sản, trái cây và lúa gạo trên cơ sở lợi thế các vùng sinh thái mặn - lợ - ngọt gắn với phát triển các sản phẩm OCOP; tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với xây dựng nông thôn mới và tăng cường liên kết đô thị - nông thôn; tập trung lãnh đạo và ưu tiên bố trí nguồn lực xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025.

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, thân thiện với môi trường. Kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Định An, các Khu, Cụm Công nghiệp, phát triển công nghiệp ven biển, công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ. Tổ chức, sắp xếp lại ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống theo hướng chú trọng chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường, khả năng cạnh tranh gắn với xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý. Đẩy mạnh thực hiện Đề án ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình tái cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Phấn đấu đến năm 2030, tổng công suất của các nguồn điện (điện than, gió, mặt trời, sinh khối....) đạt khoảng 9GW; đến năm 2045 đạt khoảng 12GW.

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, ưu tiên phát triển dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp, công nghiệp, viễn thông, công nghệ thông tin, vận tải, logistics, dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn, dịch vụ y tế chất lượng cao, cung cấp điện, nước sạch và các loại dịch vụ khác phục vụ nhu cầu xã hội. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trên nền tảng Internet và thiết bị di động.

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa – lịch sử, hệ sinh thái tự nhiên gắn với khai thác và phát triển du lịch, phấn đấu đến năm 2030 đưa du lịch trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh; tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá và đào tạo nguồn nhân lực du lịch. Khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ người dân địa phương tham gia làm du lịch.

- Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải, bảo đảm kết nối hài hòa, hợp lý và hiệu quả giữa các phương thức vận tải. Phối hợp với Trung ương đầu tư các dự án trọng điểm qua địa bàn tỉnh như: Cầu Đại Ngãi; nâng cấp đồng bộ các

tuyến QL53, QL53B, QL54, QL60; Luồng Định An - Cần Thơ; nâng cấp luồng hàng hải cho Tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu; cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh; cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng; tuyến đường ven biển các tỉnh Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau - Kiên Giang. Hoàn thiện hạ tầng giao thông trong khu vực 04 xã đảo thuộc huyện Duyên Hải... Phấn đấu đến năm 2025 đưa một số đoạn tuyến đường tỉnh, đường huyện thiết yếu, quan trọng đạt cấp kỹ thuật.

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trọng tâm là Khu bến Duyên Hải - Định An, Khu bến cảng Trà Cú - Kim Sơn, các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển Trà Vinh tại khu vực Duyên Hải - Định An và các khu vực khác đủ điều kiện.

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng hệ thống thủy lợi theo hướng hiện đại, đa mục tiêu xây dựng hoàn thành dự án hạ tầng Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thè; khuyến khích nhân rộng mô hình trữ nước ngọt, tưới tiết kiệm nước; hoàn thiện hạ tầng cấp nước (nhà máy nước, trạm tăng áp, đường ống cấp nước); thực hiện tốt chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường ở nông thôn; đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, nhất là ở các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư, đô thị.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Định An, các Khu, Cụm công nghiệp; tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, phát triển lưới điện đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, bảo đảm cung cấp điện an toàn, ổn định cho sinh hoạt và sản xuất. Phát triển hạ tầng bưu chính – viễn thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, thí điểm triển khai các dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Trà Vinh và thị xã Duyên Hải.

- Đầu tư hạ tầng văn hóa, giáo dục, y tế, thông tin truyền thông như: Trung tâm Văn hóa tỉnh, Bảo tàng Tổng hợp, Khu căn cứ Tỉnh ủy, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, công chào, trung tâm dữ liệu tỉnh...; quan tâm đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học có trọng tâm, trọng điểm theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Đầu tư các công trình quốc phòng - an ninh có tính lưỡng dụng, vừa bảo đảm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, vừa sẵn sàng phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh khi cần thiết.

- Đẩy mạnh kêu gọi, thu hút đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế, nhất là kinh tế biển. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp rộng khắp trong toàn tỉnh và liên kết với các tỉnh khác trong cả nước; triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển bền vững.

- Phát triển khoa học - công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực cho tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phấn đấu đến năm 2030, kinh tế số chiếm 25% trong GRDP. Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, bảo đảm không dưới 2% chi thường xuyên ngân sách hàng năm của tỉnh.

Thực hiện cơ chế đặt hàng để bảo đảm trên 70% các kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước...

- Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, nhất là đất đai và tài nguyên nước; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu. Giai đoạn 2021 - 2025 trồng mới 2,1 triệu cây xanh theo Đề án trồng 01 tỷ cây xanh của Chính phủ. Xây dựng và thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 tầm nhìn 2050; triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn, kêu gọi đầu tư xã hội hóa Nhà máy đốt rác phát điện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, tăng cường công tác quản lý, chuyển đổi sử dụng hợp lý và hiệu quả đất đai phục vụ cho yêu cầu phát triển. Tổ chức điều tra, đánh giá và quy hoạch phân bổ tài nguyên nước phục vụ quản lý, khai thác, sử dụng bền vững và hiệu quả. Nâng cao ý thức cộng đồng trong bảo vệ môi trường, kiểm soát, quản lý chặt chẽ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, khu dân cư, làng nghề. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp giảm thiểu rác thải nhựa, xã hội hóa công tác thu gom, xử lý chất thải. Quy hoạch không gian biển; tăng cường hợp tác liên kết để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, năng lực phòng, chống và thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, sụt lún đất.

4. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Bảo tồn và phát huy giá trị các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa - lịch sử, văn hóa sông nước, miệt vườn, văn hóa dân tộc. Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh thành Trường chất lượng cao, Trường Đại học Trà Vinh theo mô hình các trường đại học tiên tiến, chú trọng đào tạo các ngành khoa học về y tế, kỹ thuật, công nghệ và kinh tế số.

- Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội; thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nhất là chính sách ưu đãi người có công, giảm nghèo, trợ giúp xã hội; chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thúc đẩy bình đẳng giới; phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; hỗ trợ, khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của đồng bào dân tộc Khmer. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo.

- Xây dựng, nâng cấp và đầu tư đầy đủ trang thiết bị cho các cơ sở khám, chữa bệnh, kiểm soát bệnh tật theo hướng hiện đại, ứng dụng cơ sở y tế thông minh. Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 nâng quy mô bệnh viện đa khoa tỉnh lên 1.000 - 1.200 giường, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng đặc biệt; 100% bệnh viện chuyên khoa tỉnh đạt hạng II vào năm 2030, 80% số bệnh viện đa khoa huyện đạt hạng II vào năm 2050.

- Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội; chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật trên các nền tảng số.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

- Triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Trung ương, Chính phủ và các Chương trình, Kế hoạch của tỉnh về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; tiếp tục điều chỉnh, bổ sung phương án, kế hoạch của các cấp, các ngành, các lực lượng; xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; chú trọng địa bàn trọng điểm và vùng biển. Nâng cao hiệu phối hợp hoạt động giữa Công an, Quân đội và Biên phòng nhằm đảm bảo yêu cầu hỗ trợ kịp thời giữa các lực lượng xử lý nhanh chóng các tình huống. Tăng cường xây dựng lực lượng Công an xã, phường, thị trấn đủ sức giải quyết các vấn đề an ninh, trật tự ngay từ đầu và tại cơ sở. Phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo giải quyết các vấn đề phức tạp, mâu thuẫn, tranh chấp nảy sinh trong nhân dân.

- Tăng cường vận động Nhân dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, nắm chắc mọi diễn biến tình hình bên trong và bên ngoài, quản lý chặt địa bàn, đối tượng, nhất là địa bàn trọng điểm, khu vực xã đảo, xã biên giới biên, không để xảy ra điểm nóng. Tập trung đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức và tội phạm có tính chuyên nghiệp, tội phạm sử dụng công nghệ cao và có yếu tố nước ngoài; kiểm chế và kéo giảm tai nạn giao thông. Phân đấu 98% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng – an ninh; 100% khu dân cư đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự; 95% trở lên xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, củng cố, xây dựng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an, quân sự, biên phòng. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập, tuyển quân, tuyển sinh, các chính sách đối với lực lượng vũ trang, chính sách hậu phương quân đội.

- Bố trí lồng ghép các nguồn lực bảo đảm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

6. Tập trung xây dựng hệ thống chính trị

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW Nghị quyết số 19-

NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (theo lộ trình Đề án 05-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường quốc tế.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực lãng phí.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thiện chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; xây dựng chính quyền thông minh, chính quyền số.

- Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng diện tích xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn theo quy định. Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả Đề án Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2023 tại tỉnh (Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/8/2020 về việc triển khai thực hiện Đề án "Chương trình quốc gia về ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh").

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp nêu trên, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương:

a) Nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Chương trình số 34-CTr/TU ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch hành động này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của sở, ban, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý hoặc đề xuất cấp thẩm quyền xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

b) Trước ngày 20 tháng 10 năm 2022, xây dựng, ban hành Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đối với từng nhiệm vụ.

c) Định kỳ hàng năm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình, kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám

sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch hành động này./.

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số: 2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021 - 2030	%	11	Cục Thống kê
2	Quy mô nền kinh tế	Tỷ đồng	150.000	Cục Thống kê
3	Cơ cấu kinh tế			Cục Thống kê
	Nông – lâm – ngư nghiệp	%	17,98	
	Công nghiệp - xây dựng	%	46,14	
	Dịch vụ	%	33	
	Thuế và trợ cấp sản phẩm	%	2,88	
4	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	140	Cục Thống kê
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40	Sở Xây dựng
6	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Trong đó:			
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	51	
	Tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		Hoàn thành trước năm 2025	
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
	Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ	%	40	
8	Tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	70	Cục Thống kê
9	Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm:	%	1,5-2%	Sở Lao động - Thương binh và xã hội
	Giai đoạn 2021 - 2025	%	1,5-2	
	Giai đoạn 2026 - 2030		giảm ít nhất một nửa tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của Quốc gia áp dụng giai đoạn 2026 - 2030.	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
10	Cơ sở giáo dục đạt chuẩn:			Sở Giáo dục và Đào tạo
	Mầm non	%	72,72	
	Tiểu học	%	88,96	
	Trung học cơ sở	%	70	
	Trung học phổ thông	%	91,43	
11	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	35	Sở Y tế
	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	14-16	
	Số dược sĩ đại học/vạn dân	Dược sĩ	04	
	Số điều dưỡng/vạn dân	Điều dưỡng	24	
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	4,5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Tỷ lệ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh			
	Khu vực thành thị	%	100	Sở Xây dựng
	Khu vực nông thôn	%	99,5-100	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Tỷ lệ xử lý rác thải rắn sinh hoạt			Sở Tài nguyên và Môi trường
	Khu vực đô thị	%	100	
	Khu vực nông thôn	%	90	
15	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	100	

Phụ lục II
GIAO THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRONG KẾ HOẠCH HÀNH
ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH SỐ 34-CTr/TU NGHỊ QUYẾT SỐ 78/NQ-CP
(Kèm theo Quyết định số: 2013 /QĐ-UBND, ngày 13 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình/thực hiện	Cấp trình/sản phẩm
I	CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, QUẢN TRIỆT				
1	Triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình số 34-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch hành động này	Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố		Tháng 10/2022	Nghị quyết số 78; Chương trình số 34 và Kế hoạch này được quán triệt, tuyên truyền
2	Thực hiện tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình số 34-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch hành động này	Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh	Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 10/2022	
II	HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN, ĐẨY MẠNH LIÊN KẾT VÙNG				
1	Hoàn thành Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thủ trưởng các cơ quan là thành viên Hội đồng lập Quy hoạch tỉnh	Tháng 12/2022	UBND tỉnh/Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2	Triển khai, cụ thể hóa 36 hợp phần trong Quy hoạch tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sau khi Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	UBND tỉnh
3	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị trên địa bàn quản lý	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan	2022 - 2025	UBND tỉnh

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình/thực hiện	Cấp trình/sản phẩm
4	Quy hoạch chung thành phố Trà Vinh mở rộng	Sở Xây dựng	Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh	2022 - 2023	UBND tỉnh
5	Điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính để mở rộng thành phố Trà Vinh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh	2022 - 2023	UBND tỉnh
6	Tập trung rà soát, tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực	Các sở, ban, ngành tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	UBND tỉnh
7	Tham mưu, đề xuất thực hiện các nội dung về liên kết phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long	Tổ điều phối liên kết phát triển tỉnh Trà Vinh	Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố là thành viên Tổ điều phối theo Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 23/7/2020	Thường xuyên	UBND tỉnh
8	Tham mưu, đề xuất thực hiện 08 nội dung đã ký kết, hợp tác phát triển bền vững tiểu vùng duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long và 08 nội dung hợp tác với thành phố Hà Nội;	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Thường xuyên	UBND tỉnh

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình/thực hiện	Cấp trình/sản phẩm
	chủ động xây dựng phương án, lĩnh vực hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ				
9	Triển khai thực hiện Bản thỏa thuận Chương trình hợp tác chuyển giao khoa học và đào tạo nguồn nhân lực giai đoạn 2022-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Cần Thơ; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	UBND tỉnh
10	Tham mưu, đề xuất phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng trung tâm kinh tế biển thời kỳ đến năm 2030 theo Đề án của Chính phủ được phê duyệt tại Quyết định số 892/QĐ-TTg, ngày 26/7/2022.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên và theo yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương	UBND tỉnh
III TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHANH, BỀN VỮNG					
1	Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022	UBND tỉnh
2	Tập trung xây dựng thị xã Duyên Hải trở thành thành phố ven biển trước năm 2030	UBND thị xã Duyên Hải	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hoàn thành trước năm 2030	TXDH trở thành TP ven biển
3	Kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Định An, các Khu, Cụm Công nghiệp, phát triển công nghiệp ven biển, công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ.	Sở Kế hoạch và Đầu tư; BAN Quản lý Khu Kinh tế; Sở Công Thương	Các sở, ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên	Hạ tầng KKT được đầu tư hoàn thiện

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình/thực hiện	Cấp trình/sản phẩm
4	Phối hợp với Trung ương đầu tư các dự án trọng điểm qua địa bàn tỉnh như: Cầu Đại Ngãi; nâng cấp đồng bộ các tuyến QL53, QL53B, QL54, QL60; Luồng Định An - Cần Thơ; nâng cấp luồng hàng hải cho Tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu; cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh; cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng; tuyến đường ven biển các tỉnh Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau - Kiên Giang.	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Khi Trung ương triển khai đầu tư	Thực hiện tốt công tác phối hợp
5	Đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông trong khu vực 04 xã đảo thuộc huyện Duyên Hải	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước năm 2030	Hạ tầng được đầu tư hoàn thiện
6	Kêu gọi đầu tư hoàn thành Khu bến Duyên Hải - Định An, Khu bến cảng Trà Cú - Kim Sơn, các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển Trà Vinh tại khu vực Duyên Hải - Định An và các khu vực khác đủ điều kiện theo quy hoạch	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Trước năm 2030	Các khu bến được đầu tư hoàn thiện
7	Thí điểm triển khai các dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Trà Vinh và thị	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND thành phố Trà Vinh và	Các sở, ban, ngành tỉnh	Trước năm 2025	Các dịch vụ đô thị thông minh được triển

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình/thực hiện	Cấp trình/sản phẩm
	xã Duyên Hải.	UBND thị xã Duyên Hải			khai
8	Bảo đảm chi cho khoa học – công nghệ không dưới 2% chi thường xuyên ngân sách hàng năm của tỉnh	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm	Chi ngân sách đảm bảo nhu cầu nghiên cứu khoa học
9	Thực hiện cơ chế đặt hàng để bảo đảm trên 70% các kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Các đề tài, ứng dụng KHCN được chuyển giao ứng dụng trong thực tiễn
10	Trồng mới 2,1 triệu cây xanh theo Đề án trồng 01 tỷ cây xanh của Chính phủ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2025	Hoàn thành đề án theo nhiệm vụ được giao
11	Xây dựng và thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 tầm nhìn 2050	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2022-2023	UBND tỉnh
12	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040	Ban Quản lý Khu Kinh tế	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện Trà Cú, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải	2023	UBND tỉnh/Đề án được duyệt
IV	PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN				
1	Triển khai Đề án đầu tư và phát triển Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh thành Trường chất lượng cao	Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính.	Theo Đề án được duyệt tại Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	Đạt mục tiêu theo Đề án
2	Đầu tư giai đoạn 2 nâng quy mô bệnh	Sở Y tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở	2026-2030	UBND tỉnh

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình/thực hiện	Cấp trình/sản phẩm
	viện đa khoa tỉnh lên 1.000 - 1.200 giường, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng đặc biệt		Tài chính		
3	Xây dựng Trường Đại học Trà Vinh theo mô hình các trường đại học tiên tiến.	Trường Đại học Trà Vinh	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Trước năm 2030	UBND tỉnh
V	BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH				
1	Phấn đấu 98% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng – an ninh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Hoàn thành đạt và vượt nhiệm vụ đề ra
2	Phấn đấu 100% khu dân cư đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Hoàn thành đạt và vượt nhiệm vụ đề ra
3	Phấn đấu 95% trở lên xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự.	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Hoàn thành đạt và vượt nhiệm vụ đề ra
VI	TẬP TRUNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
1	Triển khai thực hiện có hiệu quả trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tỉnh giảm biên chế.	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2022-2030	Tỷ lệ tinh giản biên chế đạt chỉ tiêu giao
2	Thực hiện Đề án xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn, trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn 2022 - 2026 và định hướng đến năm 2030	Trường Chính trị tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Giai đoạn 2022 - 2030	Đạt mục tiêu theo Đề án được duyệt tại Quyết định số 1706-QĐ/Tỉnh ủy, ngày 06/7/2022



Phụ lục III

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN
TRONG NGHỊ QUYẾT SỐ 78/NQ-CP NGÀY 18/6/2022 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ đề án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình
I	TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ ĐẨY MẠNH LIÊN KẾT VÙNG				
1	Báo cáo hoạt động của Tổ điều phối liên kết phát triển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2020 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thành viên Tổ điều phối	2023	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Hội đồng lập Quy hoạch tỉnh	Thành viên Hội đồng lập Quy hoạch tỉnh	2022	Thủ tướng Chính phủ
II	BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH				
1	Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2030	Ủy ban nhân dân tỉnh
III	TẬP TRUNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
1	Triển khai Đề án tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, bảo đảm kiến tạo, liêm chính, hành động <i>(sau khi Trung ương ban hành)</i>	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2030	Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Triển khai Đề án Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tinh chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo <i>(sau khi Trung ương ban hành)</i>	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2030	Ủy ban nhân dân tỉnh

Phụ lục IV
GIAO NHIỆM VỤ ĐẦU MỐI PHỐI HỢP THỰC HIỆN
DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG DO CÁC BỘ, NGÀNH THỰC HIỆN TRONG
NGHỊ QUYẾT SỐ 78/NQ-CP NGÀY 18/6/2022 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Quyết định số: 2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan đầu mối phối hợp	Dự kiến nguồn vốn	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Đầu tư tuyến cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh	Sở Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
2	Đầu tư hệ thống đường ven biển qua tỉnh Trà Vinh	Sở Giao thông Vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
3	Nâng cấp luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu	Sở Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	